TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST - HNGĐ	*Tam Đường, ngày 11 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Trọng T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách.

Căn cứ vào Điều 147 Điều 212; Điều 213/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 69; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83/Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d khoản 5 Điều 27/Nghị quyết số 326/NQ/HĐTP - TANDTC ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con chung: Anh Ngô Trọng T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ngô Thị Thanh M, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2009, chị Nguyễn Thị Bích N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ngô Trọng K, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận như sau:

Sau khi ly hôn anh Ngô Trọng T được toàn quyền sử dụng, sở hữu những tài sản:

+ Mảnh đất có tổng diện tích 105 m^2 loại đất ở tại đô thị, tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 0 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB490287 mang tên ông Ngô Trọng T và bà Nguyễn Thị Bích N; địa chỉ đất tại khu B4 - Khu tái định cư đường số 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sở hữu 01 ngôi nhà xây 2 tầng diện tích khoảng 210 m^2 có trên đất.

+ Anh Ngô Trọng T có nghĩa vụ chi trả tiền chênh lệch giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Bích N với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả tiền là ngày 31/12/2020.

- Về nợ chung, cho vay chung:

+ Về nợ chung: Anh Ngô Trọng T có trách nhiệm trả khoản vay 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7801-LAV-2019 ngày 07/6/2019 và khoản vay 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng)* cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số

7801-LAV-2015 ngày 28/12/2015 đều mang tên bên vay là hộ ông Ngô Trọng T cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Lai Châu.

+ Cho vay chung: Anh Ngô Trọng T, chị Nguyễn Thị Bích N đều khai không ai nợ vợ chồng anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9/Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Anh Ngô Trọng T và chị Nguyễn Thị Bích N mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Trọng T tự nguyện nộp thay toàn bộ số tiền mà chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp. Tổng cộng anh Ngô Trọng T phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003741 ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay anh T được trả lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Đoàn Trung Phước